

VAI TRÒ CỦA NAM PHI TRONG LIÊN KẾT KINH TẾ KHU VỰC VÀ TOÀN CẦU

*Trần Thị Lan Hương**

Kể từ năm 1994, Nam Phi đã tiến hành mở cửa mạnh mẽ, coi thị trường khu vực và quốc tế là một trong những nhân tố quan trọng để thực hiện những chiến lược cải cách kinh tế. Một điều cần nhấn mạnh ở đây là, trước năm 1994, trong chế độ Apacthai, chính sách đối ngoại của đất nước này đã khiến Nam Phi bị cô lập trong khu vực và hạn chế mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với thế giới bên ngoài. Dưới chính quyền của cựu Tổng thống Nelson Mandela, Nam Phi đã tiến hành tái liên kết khu vực và hội nhập kinh tế thế giới kể từ năm 1994, gia nhập WTO, đàm phán ký kết hiệp định thương mại với EU, đóng vai trò quan trọng trong Cộng đồng Phát triển Miền Nam châu Phi (SADC). Nhờ chính sách đối ngoại đúng đắn, Nam Phi đang có vị thế tốt trong việc thực hiện các chương trình của NEPAD, đóng vai trò quan trọng trong Liên minh Châu Phi (AU) và những hoạt động liên kết khu vực khác. Thành công trong hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu của Nam Phi hơn 10 năm qua khiến chúng ta đặt ra câu hỏi: Làm thế nào Nam Phi - một đất nước có chế độ phân biệt chủng tộc nghiệt ngã vào bậc nhất thế giới và bị toàn châu Phi cô lập trong chế độ Apacthai - có thể tái hội nhập

khu vực và toàn cầu nhanh và hiệu quả như vậy? Kinh nghiệm của các nước đang phát triển trên thế giới cho thấy rằng con đường và lộ trình hội nhập của từng nước là rất khác nhau, và hiệu quả của hội nhập đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước phụ thuộc rất nhiều vào chiến lược và chính sách hội nhập của chính phủ. Những nghiên cứu, phân tích về tiến trình hội nhập kinh tế và khu vực của Nam Phi sẽ phần nào giúp chúng ta giải quyết được câu hỏi trên. Đây sẽ là một kinh nghiệm quý báu về hội nhập cho các nước đang phát triển nói chung và các nước châu Phi nói riêng trong giai đoạn toàn cầu hoá đang diễn ra nhanh, mạnh hiện nay trên toàn thế giới.

I. DI SẢN APACTHAI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC NAM PHI MỚI

** Di sản Apacthai trong chính sách đối ngoại*

Chính sách đối ngoại của Nam Phi sau năm 1994 khẳng định rõ mục đích tái hội nhập khu vực và toàn cầu của đất nước này. Lý do chính khiến chính phủ Nam Phi thay đổi chính sách đối ngoại sau năm 1994 là do những di sản của chế độ Apacthai để lại đã khiến Nam Phi bị cô lập với thế giới bên ngoài. Chính sách đối ngoại của thời kỳ Apacthai có những đặc trưng cơ bản sau:

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

+ Thực hiện chính sách không phân biệt, không trừng phạt và thân phương Tây nhằm mục đích tăng cường hợp tác với các nước không thuộc khối cộng sản chủ nghĩa và các tổ chức quốc tế. Chú trọng đến phát triển thương mại quốc tế để tránh sự cô lập và tăng cường vị trí của Nam Phi.

+ Chung sống hoà bình, hợp tác khu vực theo thực thể địa lý, tăng cường mối quan hệ với các nước láng giềng và khẳng định Nam Phi là một bộ phận của lục địa châu Phi trong mối quan hệ bền vững thân thiện với người da trắng.

+ Tăng cường quảng bá hình ảnh của Nam Phi ra thế giới bên ngoài và duy trì chủ quyền bằng cách kiểm chế sự can thiệp vào các mối quan hệ nội bộ của các quốc gia khác.

Chính sách đối ngoại của Nam Phi trong thời kỳ Apacthai bị coi là mang tính phân biệt và phản động. Chính sách này được thực thi dưới ảnh hưởng của tư tưởng Apacthai, phát triển chủ nghĩa tư bản phân biệt chủng tộc và dựa trên nhận thức "tấn công tổng lực" chống lại toàn dân tộc Nam Phi da đen và duy trì thái độ thù địch đối với người dân da đen. Nhà nước Apacthai đã sử dụng chiêu bài vũ khí hạt nhân để chống lại bất cứ kẻ nào muốn can thiệp hoặc đe dọa chính phủ Nam Phi. Trong thập kỷ 1970 và thập kỷ 1980, sự leo thang bạo lực đã bùng phát ở đất nước này và Nam Phi phải chịu sự trừng phạt, tẩy chay trong khu vực và cộng đồng quốc tế vì chế độ phân biệt chủng tộc và chính sách đối ngoại kỳ thị của mình. Năm 1974, Nam Phi bị tước quyền bỏ phiếu tại Liên hiệp quốc và trong thập niên 1980 chế độ chính trị của Nam Phi bị cộng đồng quốc tế tẩy chay. Từ tháng 1/1990, chính sách đối ngoại của Nam Phi bắt đầu có sự thay đổi theo hướng hướng về trật tự thế

giới mới sao cho phù hợp với những thay đổi trong nước và thay đổi từ môi trường thế giới bên ngoài sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc. Để mở đầu cho việc thực thi chính sách đối ngoại mới, Nam Phi đã tiến hành huỷ bỏ các kho vũ khí hạt nhân của mình và gia nhập Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân. Chính sách đối ngoại mới của Nam Phi đòi hỏi phải tăng cường hội nhập vào xu hướng chủ nghĩa khu vực đang diễn ra nhanh chóng trong nền chính trị thế giới và tăng tầm quan trọng của chủ nghĩa đa phương trong các mối quan hệ toàn cầu. Sự chuyển đổi chính sách đối ngoại của Nam Phi từ năm 1990 đến trước năm 1994 được dựa trên hai trụ cột: 1. Tìm kiếm giải pháp chính trị phù hợp với cộng đồng quốc tế và được sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế; 2. Phục hưng nền kinh tế Nam Phi. Dựa trên hai trụ cột trên, chính sách đối ngoại cũng cần phải điều chỉnh để tạo điều kiện giao dịch với thế giới bên ngoài, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, tăng cường vị trí của Nam Phi trên trường thế giới. Những ưu tiên mới trong chính sách đối ngoại trong giai đoạn này là nối lại quan hệ với châu Phi, đặc biệt là miền Nam châu Phi; mở rộng vị trí và ảnh hưởng của Nam Phi ra các khu vực khác trên thế giới như Trung Đông, Đông Nam Á và Đông Âu; mở rộng mối quan hệ của Nam Phi với Liên hiệp quốc và các tổ chức đa phương khác; đồng thời quảng bá hình ảnh mới của Nam Phi sau một thời gian dài bị cô lập với thế giới bên ngoài.

** Quan điểm xây dựng đất nước Nam Phi mới*

Trong bài phát biểu về việc xây dựng một đất nước Nam Phi mới, cựu tổng thống Nelson Mandela đã nói "Chính phủ Nam Phi quyết tâm giải quyết những thách thức trong việc xây dựng đất nước.

Những nhiệm vụ ưu tiên cần giải quyết nhanh chóng là sự bất bình đẳng kinh tế và xã hội, có nghĩa là phải thực hiện nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, phân phối nhà ở, cải thiện điều kiện giáo dục và đào tạo cho người dân. Việc làm này đòi hỏi phải có một cuộc cải cách kinh tế chưa từng có trong lịch sử. Chính phủ sẽ đóng vai trò trọng tâm trong việc khuyến khích những tiến bộ đạt được trong khu vực kinh tế tư nhân để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh đồng thời với việc tiến hành những cải cách xã hội nhanh chóng¹.

Với những di sản của chế độ Apacthai để lại, các nhà hoạch định chính sách của đất nước Nam Phi mới không thể bắt đầu xây dựng đất nước trên lập trường “giữ sạch quá khứ” (hay còn gọi là *tabula rasa*). Chính phủ của Tổng thống Nelson Mandela lúc bấy giờ đã nhận thức được những ảnh hưởng của quá khứ trong việc xây dựng đất nước Nam Phi mới, đó là mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa phân biệt sắc tộc, các mối quan hệ kinh tế truyền thống với các nước phương Tây, sự phân biệt trong quan hệ với các nước châu Phi láng giềng, nền kinh tế manh mún, vấn nạn nghèo khổ và bất bình đẳng lên đến đỉnh điểm... Những di sản này đòi hỏi chính phủ mới phải có năng lực để tạo ra một chính sách phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, đa mục tiêu. Đất nước Nam Phi mới cũng đòi hỏi các lợi ích kinh tế được phân phối đồng đều cho mọi người dân trong nước, không phân biệt màu da, sắc tộc. Hiến pháp năm 1996 được đánh giá là bản hiến pháp của toàn dân, đem lại những tiến bộ công bằng về dân chủ chính trị, bình đẳng sắc tộc và giai cấp, cam kết thực hiện các nguyên tắc và luật pháp

quốc tế, tránh sự phân biệt đối xử trong xã hội đa sắc tộc cũng như là sự kỳ thị phân biệt trong quan hệ với thế giới bên ngoài.

Cùng với việc ban hành Hiến pháp mới, với phương châm “Vì cuộc sống tốt hơn cho tất cả mọi người” (*A Better Life for All*), chính phủ Nam Phi đã ban hành hàng loạt các chương trình, kế hoạch hành động ngay sau đó, điển hình là Chương trình Tái thiết và Phát triển (RPD) năm 1994 và Chương trình Tăng trưởng, Việc làm và Tái phân phối (GEAR 6/1996). RPD nhằm ổn định xã hội sau nội chiến, tiến hành xây dựng lại đất nước, đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người, giảm nghèo, dân chủ hoá nhà nước và xã hội, phân phối lại tài sản quốc gia cho người da đen và da màu, phát triển nguồn nhân lực. GEAR nhằm tư nhân hoá các tài sản của nhà nước, tự do hoá thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài, linh hoạt hoá thị trường lao động, xác định vai trò của nhà nước trong các hoạt động kinh tế. Thông qua các chiến lược phát triển trên, đất nước Nam Phi bắt đầu bước vào một thời kỳ mới: đổi mới dân chủ và cải cách kinh tế.

Ngay trong giai đoạn đầu của chính quyền Nam Phi mới, chính phủ của Tổng thống Nelson Mandela đã xác định cải cách kinh tế phải đi đôi với đổi mới thể chế chính trị. Những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu cho một nước Nam Phi mới là phải xoá đi sự phân biệt trong và ngoài nước. Sự phân biệt trong nước được hiểu như là sự phân biệt về giai cấp, sắc tộc, xã hội, lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị trên cả các mức độ vĩ mô, vi mô, địa phương, toàn quốc. Sự phân biệt bên ngoài được hiểu như là sự phân biệt của Nam Phi trong quan hệ với thế giới bên ngoài, đặc biệt là trong quan hệ với các nước thuộc lục địa Phi. Quan điểm phát triển đất nước của Đảng Đại hội Dân tộc Phi (ANC) vì vậy đã đi theo một triết lý kinh tế chính trị kiên

¹ Nelson R. Mandela, *Building a New South Africa*, Vol. 1: *Economic Policy*, 9/1995

định². Triết lý đó thể hiện qua những đặc điểm cơ bản sau:

- Nhiệm vụ trọng tâm của đất nước Nam Phi mới là phải giải quyết dân chủ xã hội để cải cách xã hội. Nhà nước có nhiệm vụ đảm bảo việc cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nghèo và giảm bất bình đẳng.

- Xây dựng nền kinh tế thị trường, trong đó đầu tư tư nhân được khuyến khích phát triển và một nhà nước hiệu quả sẽ tạo ra môi trường hỗ trợ tốt hơn cho đầu tư tư nhân. Nhà nước sẽ hỗ trợ cho các doanh nghiệp để cùng nhau thực hiện các chiến lược hướng vào sự tăng trưởng kinh tế.

- Lấy thị trường bên ngoài làm động lực cho tăng trưởng kinh tế. Do những giới hạn về thị trường trong nước và thị trường khu vực, tăng trưởng kinh tế sẽ phần lớn phụ thuộc vào xuất khẩu ra thị trường thế giới. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ biện pháp tự do hoá thương mại đi kèm theo các chiến lược phát triển công nghiệp hiệu quả.

- Phúc lợi xã hội được dành phần lớn để đầu tư mở rộng các dịch vụ cơ sở hạ tầng như vận tải, đường xá, nhà ở, phương tiện thông tin liên lạc, giáo dục, y tế....

Những quan điểm phát triển trên đã được chính phủ Nam Phi thực hiện trong một môi trường chính sách kinh tế vĩ mô hiệu quả và mang tính trách nhiệm, không chịu sự chi phối của bất kỳ các tổ chức tài chính quốc tế nào trong việc hoạch định chính sách tương lai cho đất nước. Quan điểm đó được kết hợp giữa phương pháp phát triển xã hội theo kiểu

Bắc Âu với phương pháp tăng trưởng kinh tế nhanh theo kiểu châu Á, được đúc kết thành bài học cho chính phủ Nam Phi mới, giúp chính phủ của cựu Tổng thống Nelson Mandela và đương kim Tổng thống Mbeiki hoạch định những chính sách phát triển kinh tế hợp lý trong môi trường thể chế chính trị dân chủ kể từ năm 1994 cho đến nay.

II. VAI TRÒ CỦA NAM PHI TRONG LIÊN KẾT KINH TẾ KHU VỰC

Nam Phi có vai trò quan trọng trong liên kết khu vực châu Phi. Xét về vai trò *chính trị*, Nam Phi là nước thành viên sáng lập ra Liên minh châu Phi (AU)³. NEPAD là một trong những trụ cột cơ bản của EU, được ban hành từ năm 1999 trong Hội nghị thượng đỉnh OAU và trong hội nghị này Tổng thống Mbeiki đã có vai trò quan trọng trong việc thiết lập ra khuôn khổ hoạt động của NEPAD, khởi xướng các chương trình hành động của NEPAD. Chẳng hạn vào năm 2000 tại Hội nghị thượng đỉnh OAU tổ chức ở Tôgô, Tổng thống Mbeiki đã cùng một số cộng sự được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình phục hồi châu Phi dưới sự hỗ trợ của các nước G8. Năm 2002, Nam Phi đóng vai trò quan trọng trong quá trình cải cách OAU và chuyển NEPAD từ một diễn đàn đối thoại sang thành chính sách chung cho toàn khu vực châu Phi và trong Hội nghị thượng đỉnh OAU năm 2002 tổ chức tại Durban, OAU chính thức được chuyển

² Quan điểm của ANC về xây dựng và phát triển đất nước Nam Phi mới. *Theo Season of Hope: Economic Reform under Mandela and Mbeiki*, Alan Hirsch, University of KwaZulu – Natal Press, 2005, trang 7.

³ AU gồm 53 nước thành viên, được thành lập ngày 9/7/2002, tiền thân là Tổ chức châu Phi thống nhất (OAU), thiết lập từ năm 1963. AU bao gồm các cơ quan chức năng là: Hội đồng AU, Ủy ban hành pháp, các ủy ban tư vấn kỹ thuật, các tổ chức tài chính, Ủy ban đại diện nghị viện thường trực, Ủy ban an ninh và hoà bình (PSC), Nghị viện toàn Phi (PAP), Ủy ban kinh tế, xã hội và văn hoá (ECOSOCC), Toà án, Toà án Châu Phi vì con người và nhân quyền, Ủy ban châu Phi về con người và nhân quyền. NEPAD là một trong những trụ cột quan trọng nhất của AU.

thành AU và Tổng thống Nam Phi trở thành chủ tịch đầu tiên của tổ chức này. Trong số 20 nước thành viên của Ủy ban những nhà lãnh đạo các nước thực hiện NEPAD (HSGIC), thuộc 4 khu vực địa lý ở châu Phi, Nam Phi là một trong số 5 thành viên sáng lập HSGIC (5 thành viên đó gồm Nam Phi, Nigêria, Angiêri, Xênegan và Ai Cập). Chức năng chủ yếu của HSGIC là hoạch định chính sách, những ưu tiên chính sách và chương trình hành động của NEPAD. Bên cạnh chức năng là nước chủ trì và đóng vai trò tích cực trong việc thực hiện NEPAD, Nam Phi còn tham gia tích cực vào các cơ quan chức năng khác của AU. Năm 2004, Nghị viện toàn Phi (PAP) chính thức được đặt trụ sở tại Midran Nam Phi. Nam Phi là nước châu Phi đầu tiên được quyền chọn đại biểu thường trực cho PAP. Dưới quy chế về bầu cử, mỗi nước thành viên được cử 5 đại biểu vào PAP trong đó ít nhất phải có một phụ nữ, còn ở Nam Phi có tới 3 trong số đại biểu là nữ được bầu vào PAP. Nam Phi đã phê chuẩn Nghị định thư về Tòa án châu Phi về con người và nhân quyền. Nam Phi cũng là nước có vai trò quan trọng trong việc thực hiện Cơ chế giám sát đồng đẳng châu Phi (APRM) trong NEPAD. Đây là cơ chế mà các nước thành viên AU tự nguyện ký kết và cam kết tuân thủ các nguyên tắc, ưu tiên và mục đích của luật hiến pháp AU. Bên cạnh vai trò chính trị trong AU, Nam Phi còn nỗ lực hoà giải những xung đột với các nước láng giềng do thời kỳ Apacthai để lại, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Chiến lược ngoại giao của Nam Phi sau năm 1994 được vận dụng rất khôn khéo, sử dụng nghệ thuật “nói khê” trong chính sách ngoại giao của mình để giữ bỏ quan điểm trước đây của các nước châu Phi về một Nam Phi “ngạo mạn” trong thời kỳ Apacthai. Năm 1999, chính phủ Nam Phi đã thực hiện “Chương trình nghị sự

châu Phi” nhằm tìm kiếm sự phát triển, hoà bình và an ninh, quản lý và tăng trưởng kinh tế. Chương trình này đã giúp Nam Phi xây dựng được những đối tác chiến lược ở châu Phi ở tất cả các tiểu khu vực như Tây Phi, Bắc Phi, Đông Phi, Trung Phi, Nam Phi, đồng thời với các nước như Angiêri, Nigêria, Ghana, Tandia, Môđambich, Bôtsoana, Lêxôthô, Côngô, Xu Đãng... Nam Phi đã gây được ảnh hưởng và uy tín quốc tế bằng chính sách ngoại giao yên lặng sau nhiều thập kỷ căng thẳng và bất ổn định của nhà nước Apacthai. Chính phủ Nam Phi đã đóng vai trò “kiến tạo hoà bình” ở một số nước như Lêxôthô, Angôla, Namibia, Côngô, Burundi, Xu Đãng...

Vai trò *kinh tế* của Nam Phi trong hội nhập kinh tế khu vực được thể hiện khá rõ trong các tổ chức liên kết khu vực như Cộng đồng Phát triển miền Nam châu Phi (SADC)⁴ và Liên minh Hải quan miền Nam châu Phi (SACU)⁵. Nam Phi chính thức gia nhập SADC năm 1994 với ưu tiên cao nhất là hợp tác kinh tế, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau phát triển kinh tế, xã hội, ổn định chính trị và bảo vệ môi trường. Trong khu vực châu Phi, SADC là ưu tiên chính sách lớn nhất để Nam Phi có

⁴ SADC thành lập lần đầu tiên năm 1980 với tên gọi ban đầu là Hội nghị điều phối phát triển miền Nam châu Phi (SADCC) nhằm liên kết các nước miền Nam châu Phi chống lại chế độ phân biệt chủng tộc và sự xâm lược của Nam Phi vào các nước miền Nam châu Phi. Năm 1992, SADCC chính thức đổi tên thành SADC. Nam Phi gia nhập SADC vào năm 1994. SADC bao gồm 15 quốc gia thành viên là: Nam Phi, Angôla, Bôtsoana, Cộng hoà dân chủ Côngô, Lêxôthô, Madagaxca, Marauy, Môrixơ, Môđambich, Namibia, Xâysen, Xoa Dilen, Tandia, Dambia và Dimababuê.

⁵ SACU thành lập lần đầu tiên vào năm 1910, là một Hiệp ước Hải quan giữa 3 nước Nam Phi, Bôtsoana và Xoa Dilen. Sau đó kết nạp thêm Lêxôthô vào tháng 3/1970, Namibia vào năm 1990. Tháng 12 năm 1969, chính thức được đặt tên là Liên minh Hải quan miền Nam châu Phi (SACU). Năm 1994 tái đàm phán giữa 5 nước thành viên và năm 2002 bắt đầu thực hiện Hiệp ước SACU.

thể đạt được sự phát triển kinh tế trong nước và hội nhập sâu trong khu vực. Ngay từ khi mới gia nhập SADC vào năm 1994 cho đến nay, Nam Phi đã nỗ lực cùng các nước thành viên SADC ký kết Thỏa ước thương mại vào ngày 25/1/2000 nhằm tự do hoá thương mại hàng hoá và dịch vụ trong khu vực, ký kết những thỏa thuận thương mại mang tính cùng có lợi và hợp tác lẫn nhau, đảm bảo sản xuất hiệu quả trong SADC, phát huy lợi thế so sánh của các nước, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư trong khu vực SADC, tăng cường phát triển kinh tế, đa dạng hoá và công nghiệp hoá trong khu vực, ký kết thành lập Khu vực thương mại tự do (FTA) trong khu vực SADC... Vào tháng 3/2004, Nam Phi cùng các nước thành viên đã lập ra những kế hoạch đầy tham vọng với hy vọng đẩy nhanh hợp tác khu vực ở mức độ sâu hơn thông qua thành lập một liên minh hải quan vào năm 2010, một thị trường chung vào năm 2012 và thành lập một đồng tiền SADC thống nhất vào năm 2016.

Là một nền kinh tế lớn nhất trong SADC, Nam Phi có tiếng nói quan trọng trong các hoạt động kinh tế của SADC. Là một trong những nước giàu nhất trong SADC, có thu nhập đầu người cao thứ hai sau Xâysen và Môrixơ, Nam Phi có đủ khả năng trở thành đầu tàu trong phát triển kinh tế của SADC. Đất nước này chiếm tới 21,6% dân số của SADC, 13,5% diện tích lãnh thổ và 76% GDP của toàn SADC và chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn khu vực này⁶. Năm 2004, hàng hoá của Nam Phi chiếm tới 44,8% kim ngạch nhập khẩu của Môđambich, 44,5 của Dămbia, 32,9% của Malaui, 32,2% của Dimbabuê, 10% của Môrixơ, 9,8% của Angôla, 7,6% của Xâysen và

7,2% của Madagaxca. Hàng hoá xuất khẩu của Nam Phi chiếm phần lớn trong kim ngạch nhập khẩu của các nước như Dimbabuê 34,8%, Malaui 14,5%, Dămbia 11%...⁷. Những con số trên phản ánh sự phụ thuộc của các nước thành viên SADC vào các hoạt động thương mại của Nam Phi trong khu vực. Một khía cạnh khác phản ánh Nam Phi có vai trò chi phối trong SADC trong lĩnh vực hợp tác kinh tế là: trong khi một số nước thành viên phụ thuộc rất lớn vào thương mại nội khối (thương mại nội bộ SADC) như Malaui (nhập khẩu từ SADC chiếm 47,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của nước này, trong đó nhập khẩu từ Nam Phi chiếm tới 67,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của Malaui từ SADC), Môrixơ (chiếm 17,2% và 92,8% tương ứng), Dămbia (48% và 74,8%), Dimbabuê (48,7% và 87%), thì Nam Phi chỉ chiếm có 2,5% nhập khẩu từ SADC trong tổng kim ngạch nhập khẩu của nước mình vào năm 2003; còn lại là các đối tác khác bên ngoài châu Phi. Thỏa ước thương mại SADC năm 2000 với mục đích thiết lập AFTA vào năm 2008 đã được Nam Phi thực hiện một cách gương mẫu, cam kết tự do hoá thương mại hoàn toàn vào năm 2008 trong phạm vi SADC. Và cho đến cuối năm 2005, có tới 88% hàng hoá xuất khẩu của SADC được miễn thuế hoàn toàn khi vào thị trường Nam Phi, tương ứng với 90% dòng thuế của khu vực này. Cán cân thương mại của Nam Phi trong SADC luôn đạt mức dương, trong đó tăng trưởng xuất khẩu sang SADC đạt 13,1%/năm và tăng trưởng nhập khẩu từ SADC đạt 19,6%/năm trong giai đoạn 1999-2003. Năm 2003, xuất khẩu của Nam Phi sang SADC đạt 25,5 tỷ Rand và nhập khẩu đạt 5,5 tỷ Rand, thặng dư thương mại tới 20 tỷ Rand.

⁶ World Bank 2002, Africa Region Working Paper Series No.27, *Free Trade Agreements and the SADC Economies*.

⁷ WTO, 2006, *Share of South African Exports/Imports in World Countries's Trade*.

Trong SACU, Nam Phi đang trở thành nước dẫn đầu trong việc hoạch định và thực hiện chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái. Mục đích của SACU là nhằm duy trì sự trao đổi hàng hoá tự do trong nội bộ các nước thành viên. Nó đòi hỏi phải có biểu thuế quan chung. Hiện nay, tất cả thuế quan trong khu vực thuế quan chung của SACU đều do Quỹ dự trữ quốc gia của Nam Phi đảm nhiệm và Nam Phi trở thành nước quản lý nguồn quỹ này. Năm 2000, tại Hội nghị các bộ trưởng thương mại và tài chính của 5 nước thành viên SACU, Nam Phi đã đề xuất ra những nguyên tắc về cải cách thể chế trong SACU và đạt được sự đồng thuận của các nước thành viên khác. Nam Phi hiện đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế của SACU, chiếm tới 86% dân số và trên 90% GDP của khu vực này, đồng thời chiếm khoảng 30% kim ngạch thương mại của 4 nước thành viên SACU. Năm 2002, Hiệp ước SACU mới đã quy định thuế quan nội bộ SACU hạ xuống mức 0% và thực hiện hệ thống thuế hàng hoá chung; Các hiệp ước thương mại song phương và khu vực được ưu tiên hơn giữa các nước thành viên; Đẩy mạnh hội nhập kinh tế sâu hơn và hướng tới hoạch định các chính sách chung cho toàn khu vực; Tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại dưới hình thức hợp lý hoá các thủ tục hải quan, tiêu chuẩn và nhãn mác hàng hoá; Thành lập Ủy ban thuế quan SACU và cơ chế giải quyết tranh chấp. Trong việc thực hiện Hiệp ước SACU này, Nam Phi đang nỗ lực giúp các nước thành viên khác đẩy nhanh tiến độ hội nhập kinh tế sâu hơn. Tuy nhiên, những cố gắng này của Nam Phi không có môi trường thuận lợi bởi cơ chế thương mại hiện nay của SACU rất phức tạp⁸.

⁸ Hiện nay SACU vẫn không có chính sách chung về tiêu chuẩn hàng hoá. Các tiêu chuẩn hàng hoá của Nam Phi

III. NAM PHI TRONG WTO

Trong chế độ Apacthai, cơ chế thương mại của Nam Phi bị bóp méo. Vì vậy, tính cho đến đầu thập kỷ 1990, Nam Phi vẫn là nước có hệ thống thương mại bảo hộ rất cao, chủ yếu là bảo hộ nông nghiệp (chiếm tới 74% dòng thuế được bảo hộ). Tự do hoá thương mại bắt đầu được chính phủ Nam Phi thực hiện sau khi kết thúc chế độ Apacthai theo hai con đường khác nhau: +) tự do hoá thương mại đa phương trong khuôn khổ vòng đàm phán Uruguay; +) tự do hoá thương mại đơn phương.

Tự do hoá thương mại đa phương bắt đầu được Nam Phi thực hiện từ năm 1994 bằng chính sách cải cách thương mại toàn diện theo đúng cam kết. Có thể kể ra những cam kết chủ yếu của Nam Phi trong WTO như sau:

+ Giảm thuế hàng công nghiệp xuống 1/3 trong giai đoạn 1995-2000, ngoại trừ một số ngành nhạy cảm như dệt may, mô tô, quần áo sẽ được tự do hoá vào năm 2003.

+ Tăng tỷ lệ các dòng thuế công nghiệp từ 55% lên 98%, giảm số lượng tỷ lệ thuế xuống 6.

+ Thuế nông nghiệp duy trì ở mức trung bình là 21%.

+ Thời điểm cuối cùng để trợ cấp xuất khẩu là năm 1997.

Cũng trong thời điểm này, Nam Phi đã cắt giảm thuế xuống mức thấp hơn các tỷ lệ thuế cam kết trong WTO. Vào năm 2002, cơ chế thương mại của Nam Phi đã tự do hoá gần như hoàn toàn. Trợ cấp xuất khẩu dưới Cơ chế ưu đãi xuất khẩu đã được dỡ bỏ vào năm 1997. Tất cả hạn

nhìn chung được sử dụng là Lêsôthô và Namibia, trong khi Bôtsoana và Xoa Dilen lại có những tiêu chuẩn hàng hoá riêng của họ. Các nước thành viên SACU vẫn duy trì mức thuế VAT với những tỷ lệ khác nhau.

ngạch đều được huỷ bỏ, cơ chế thuế quan được hợp lý hoá và tỷ lệ thuế theo Cơ chế tối huệ quốc (MFN) đã giảm từ trên 20% đầu những năm 1990 xuống 11,4% vào năm 2002. Vào năm 2004, tỷ lệ thuế quan bình quân của Nam Phi là 11,4%, trong

khi của toàn SADC là 15,5%, tuy có cao hơn các nước Đông Á (Trung Quốc 10,5%, Malaixia 8,4%, Indônêxia 6,9%..), nhưng đã chứng tỏ những dấu hiệu tiến bộ trong thực hiện chính sách tự do hoá trong khuôn khổ WTO.

Bảng 1: Tỷ lệ thuế quan chung của một số nước trên thế giới

	1997	2001	2004
Nam Phi	15,1	12,0	11,4
SADC	22,8	20,0	15,5
Achentina	14,0	13,6	12,6
Braxin	12,0	13,0	10,4
Mêhicô	14,0	17,3	17,3
Uruguay	9,9	12,0	12,9
Trung Quốc	17,6	15,9	10,5
Indônêxia	13,0	6,8	6,9
Hàn Quốc	9,0	12,5	12,8
Malaixia	8,1	9,2	8,4
Philippin	13,4	7,7	7,5
Thái Lan	17,0	15,4	14,7
Séc	7,0	6,0	6,5
Hungary	14,3	11,7	6,5
EU	10,0	6,9	6,5
Nhật Bản	5,6	6,9	6,3
Mỹ	6,6	5,4	5,1
<i>Trung bình ở các thị trường mới nổi</i>	<i>15,0</i>	<i>14,1</i>	<i>11,3</i>

Nguồn: WTO và IMF, 2005.

Trong ngành nông nghiệp, thực hiện tự do hoá thương mại trong khuôn khổ WTO, Nam Phi đã hạ thấp tất cả các dòng thuế đối với các sản phẩm nông nghiệp của mình. Tuy nhiên, so với các sản phẩm công nghiệp, thuế đối với nông nghiệp vẫn ở mức cao hơn và Nam Phi đã ràng buộc tỷ lệ thuế quan đối với các sản phẩm nông nghiệp của mình ở mức độ cần thiết để tăng giá cả các sản phẩm nhập khẩu theo mức giá nhập khẩu của SACU. Đối với các sản phẩm công nghiệp, tỷ lệ thuế bình quân chỉ là 0-3%. Năm 1996 có tới 1710 dòng thuế (chiếm 31% tổng dòng thuế của Nam Phi) có tỷ lệ thuế tối đa trên 30%; nhưng năm 2004 chỉ còn lại 17 dòng thuế

có tỷ lệ thuế thấp hơn 30%, và chỉ có 446 dòng thuế (chiếm 7% tổng dòng thuế của Nam Phi) có tỷ lệ thuế trên 30%. Nam Phi cũng đã tiến hành huỷ bỏ những quy chế về hạn ngạch, tạo điều kiện tự do hoá thương mại song phương với các đối tác thương mại chủ yếu của mình.

Nhờ tự do hoá thương mại, nền kinh tế của Nam Phi trở nên mở cửa hơn. Tỷ lệ thương mại trong GDP của Nam Phi đã tăng nhanh từ 33% GDP năm 1992 lên 50% GDP năm 2000. Cơ cấu sản phẩm đa dạng hơn và Nam Phi dần dần giảm bớt phụ thuộc vào xuất khẩu hàng hoá thô chưa qua chế biến. Tự do hoá thương mại cũng tác động tích cực đến tăng trưởng

kinh tế ở Nam Phi. Theo số liệu phân tích của một số nhà nghiên cứu thuộc WB như Jonsson và Subranian (2000) thì có tới 3% tăng trưởng hàng năm của ngành công nghiệp chế tạo của Nam Phi là nhờ có chính sách tự do hoá thương mại trong giai đoạn 1990-1997.

IV. NAM PHI TRONG QUAN HỆ VỚI CÁC KHU VỰC KHÁC TRÊN THẾ GIỚI

a. Nam Phi trong quan hệ với EU

EU là đối tác thương mại - đầu tư truyền thống lớn nhất của Nam Phi. Từ năm 1994, quan hệ Nam Phi - EU bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn đẩy mạnh hợp tác kinh tế. Các biện pháp "tròn gói" đã ngay lập tức được EU đưa ra trong năm 1994 để tăng cường quan hệ kinh tế với Nam Phi. Theo các biện pháp "tròn gói" này, EU sẽ cấp cho Nam Phi những đặc quyền trong khuôn khổ Hệ thống ưu đãi chung (GSP) cho các sản phẩm công nghiệp của Nam Phi kể từ tháng 9/1994, theo đó Nam Phi sẽ được tiếp cận tự do với thị trường EU đối với các sản phẩm công nghiệp và bán công nghiệp. Vào cuối năm 1995, trên 59% sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Nam Phi được hưởng GSP của EU. Cơ sở luật pháp chung trong thời kỳ đầu giữa hai nước là việc ký kết Hiệp định hợp tác tạm thời vào tháng 10/1994 và thực sự có hiệu lực từ tháng 12/1994.

Tháng 12 năm 1994, Nam Phi được hưởng những ưu đãi trong Hiệp định Lomé trong quan hệ kinh tế với EU. Lợi ích của Hiệp định Lomé là Nam Phi được hưởng những ưu đãi hơn trong hoạt động thương mại cùng với những công cụ trợ giúp tài chính từ EU. Năm 1995, Nam Phi chấp nhận lời mời đàm phán ký kết FTA với EU và đến tháng 3/1996 EU chính thức đàm phán ký kết FTA với Nam Phi trong giai đoạn 10 năm sẽ thiết lập khu

thương mại tự do Nam Phi - EU. Tuy nhiên, do những lợi ích và những cam kết của Nam Phi trong SADC và SACU có nhiều điểm mâu thuẫn nếu Nam Phi ký FTA với EU, cho nên FTA Nam Phi - EU chính thức có hiệu lực kể từ tháng 1 năm 2000. Khuôn khổ luật pháp cho FTA EU - Nam Phi là việc ký kết Hiệp định hợp tác, phát triển và thương mại (TDCA) giữa hai phía vào năm 2000, với mục đích tập trung đối thoại và hợp tác cao hơn trong các lĩnh vực chính trị, thương mại, kinh tế và hợp tác phát triển. TDCA có mục đích thành lập một khu vực thương mại tự do vào năm 2012 giữa Nam Phi và EU, trong đó sẽ có tới 95% hàng hoá nhập khẩu của EU và 86% hàng hoá nhập khẩu của Nam Phi được hưởng những ưu đãi của hiệp ước này, trừ một số sản phẩm nông nghiệp (của EU) và ô tô, dệt may, hoá chất (của Nam Phi). Thuế quan thông qua Hiệp ước này sẽ được giảm một cách nhanh chóng, nhất là từ phía EU và tỷ lệ trao đổi hàng hoá nông sản của hai nước sẽ được tự do hoá ở mức độ lớn (81% ở Nam Phi và 61% ở EU). Bên cạnh hiệp ước song phương giữa Nam Phi và EU, những nước thành viên của SADC và SACU cũng được ký kết đàm phán TDCA với EU trong một vài lĩnh vực. Những sản phẩm thuộc danh mục loại trừ của Nam Phi cũng là những sản phẩm nhạy cảm của các nước thành viên SACU. Những ưu đãi trong SADC cũng là những ưu đãi sẽ được ký kết trong TDCA. Theo quy định của Thỏa ước thương mại SADC, các nước thứ ba không được hưởng lợi ích thương mại của khối nếu như nước đứng đầu của khối không mở rộng ảnh hưởng ra tất cả các nước thành viên. Vì vậy Nam Phi đã mở cửa thị trường của mình ưu tiên trước hết cho các nước thành viên SADC trước khi có những ưu tiên tương tự cho EU. Nhờ đó, EU trở

thành đối tác quan trọng của Nam Phi nói riêng và SADC cùng SACU nói chung.

Cho đến nay, EU được coi là đối tác thương mại lớn nhất của Nam Phi. Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ xuất khẩu của Nam Phi sang EU chiếm tới 32,1% tổng kim ngạch xuất khẩu của nước này năm 2003 và tỷ lệ nhập khẩu từ EU chiếm tới 40,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của Nam Phi.

Trong số 25 nước EU hiện nay, Đức, Anh, Pháp, Italia là những bạn hàng nhập khẩu lớn nhất của Nam Phi, trong khi những bạn hàng xuất khẩu EU lớn nhất của Nam Phi là Anh, Đức, Hà Lan, Bỉ, Thụy Điển và Tây Ban Nha. Cùng với tư

cách đối tác thương mại lớn nhất của Nam Phi, EU còn là nước đầu tư lớn nhất sang Nam Phi, chiếm tới 44% tổng FDI vào nước này, trong đó 6 trong 10 nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Nam Phi là thuộc về các nước EU. Bên cạnh đó, EU còn là đối tác trợ giúp tài chính lớn cho Nam Phi thông qua TDCA. Chương trình tái thiết và phát triển châu Âu (EPRD) đã cấp tài chính trực tiếp cho Nam Phi trị giá 125,5 triệu Euro trong giai đoạn 2003-2006. EPRD mới (giai đoạn 2007-2013) sẽ xem xét tăng tài chính trợ giúp cho Nam Phi để tiếp tục các chương trình cải cách kinh tế và điều chỉnh thể chế.

Bảng 2: Xuất - nhập khẩu của Nam Phi phân theo khu vực

Khu vực	Xuất khẩu (triệu Rand)	% trong tổng xuất khẩu	Nhập khẩu (triệu Rand)	% trong tổng nhập khẩu
SADC	24.911	8,6	7.554	2,5
NAFTA	32.379	11,1	28.684	9,4
EU	93.445	32,1	124.781	40,7
MERCOSUR	1.994	0,7	10.027	3,3
Nhật Bản	26.518	9,1	20.942	6,8
Trung Quốc	6.459	2,2	23.011	7,5
Châu Phi ngoài SADC	12.209	4,2	6.504	2,1
Châu đại dương	7.783	2,7	8.174	2,7
Châu Mỹ ngoài NAFTA	1.279	0,4	1.436	0,5
Châu Á (khác)	39.201	13,5	70.950	23,1
Châu Âu ngoài EU	8.534	2,9	4.191	1,4
Khác	36.417	12,5	270	0,1

Nguồn: TIPS 2006, South Africa's International Trade Diplomacy: Implications for Regional Integration, trang 133.

b. Nam Phi trong quan hệ với Mỹ và khu vực châu Mỹ

Mỹ bắt đầu trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất ở Nam Phi kể từ năm 1994. Quan hệ này bắt đầu từ khoản viện trợ trọn gói trị giá 600 triệu USD năm 1994 của Mỹ cho Nam Phi là nhằm khuyến khích đầu tư vào nhà ở, điện nước, phát triển kinh doanh nhỏ, chăm sóc sức khoẻ.

Vào cuối năm 1994, Sáng kiến Mỹ - Nam Phi được ban hành để thực thi các khoản viện trợ kể trên. Trong thập niên 1990, Mỹ xác định Nam Phi là một trong số 10 thị trường mới nổi lớn nhất trong nhóm các nước đang phát triển. Trong thời kỳ này, quan hệ Mỹ và Nam Phi đã đạt được một số tiến bộ trong hợp tác phát triển môi trường, khoa học kỹ thuật, năng



lượng, vận tải, y tế, giáo dục, thuế quan... Trong những năm đầu của thế kỷ XXI, những ưu tiên kinh tế chủ yếu trong quan hệ Mỹ - Nam Phi là: +) Đàm phán ký kết FTA Mỹ - SACU - một trong những ưu tiên quan trọng để thực hiện Đạo luật về Cơ hội và Tăng trưởng giành cho châu Phi (AGOA) được ban hành từ năm 2000; +) Khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Nam Phi; +) Tiếp tục coi thị trường Nam Phi là điểm đến đầy tiềm năng của các doanh nghiệp và nhà đầu tư Mỹ. Thông qua AGOA, Nam Phi đã xuất khẩu sang Mỹ với khối lượng ngày càng lớn. Năm 2002, xuất khẩu của Nam Phi sang Mỹ theo AGOA đạt mức tăng trưởng 45%, với giá trị kim ngạch 1,34 tỷ USD so với 923 triệu USD năm 2001. Năm 2003, xuất khẩu của Nam Phi sang Mỹ đạt 1,69 tỷ USD, trong đó xuất khẩu thiết bị vận tải đạt giá trị và mức tăng trưởng cao nhất, tiếp theo là sản phẩm khai khoáng, hoá chất và sản phẩm nông nghiệp.⁹ Xuất khẩu của Nam Phi sang Mỹ theo AGOA chiếm tới 20,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Nam Phi năm 2001, tăng lên đạt 31,7% năm 2002 và 34,2% năm 2003. Trong giai đoạn 2000-2004 tăng trưởng xuất khẩu của Nam Phi sang Mỹ đạt trung bình 9%/năm¹⁰. Thông qua Mỹ và việc đàm phán ký kết AFTA Mỹ - SACU năm 2003, Nam Phi đã nâng cao vị thế của mình trong khu vực Nam Phi nói chung và uy tín của mình đối với Mỹ nói riêng. Đồng thời, từ việc ký kết AFTA Mỹ - SACU, Nam Phi bắt đầu có tiếng nói quan trọng trong các diễn đàn hợp tác kinh tế đa phương, đặc biệt là tại Hội nghị Đoha tổ chức ở Cancun năm

2003, Nam Phi đã cùng nhóm nước G20 đã đưa ra những đề xuất về vấn đề tự do hoá sản phẩm nông nghiệp và vấn đề bảo hộ của các nước giàu như Mỹ, Nhật Bản, EU...

Bên cạnh là đối tác thương mại, đầu tư lớn của Nam Phi, Mỹ còn là nhà tài trợ lớn cho nước này. Năm 2005, Mỹ đã cung cấp 2,8 tỷ USD hỗ trợ Nam Phi thực hiện các chương trình chống HIV/AIDS, tăng cường thể chế, phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Ngoài Mỹ, Nam Phi cũng mở rộng mối quan hệ kinh tế với hai tổ chức kinh tế lớn trong khu vực châu Mỹ là Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA)¹¹ và thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR)¹². NAFTA là thị trường lớn thứ hai của Nam Phi, sau EU. Bảng 3 cho thấy, NAFTA chiếm tới 11,1% kim ngạch xuất khẩu và 9,4% kim ngạch nhập khẩu của Nam Phi năm 2003. MERCOSUR chiếm 0,7% kim ngạch xuất khẩu và 3,3% kim ngạch nhập khẩu của Nam Phi. Braxin, Mêhicô là đối tác chiến lược của Nam Phi trong thời gian gần đây. Tháng 12 năm 2004, Nam Phi và MERCOSUR đã bắt đầu đàm phán ký kết FTA, nhằm mở rộng mối quan hệ thương mại đầu tư giữa hai phía. Trong giai đoạn 2000-2004 xuất khẩu của MERCOSUR sang Nam Phi đạt khoảng 1 tỷ Rand và tăng trưởng xuất khẩu đạt 47,2%/năm trong cùng giai đoạn. Tăng trưởng xuất khẩu của MERCOSUR sang Nam Phi đạt mức độ cao như vậy đã thúc đẩy các nước này ký kết hiệp định thương mại tự do với Nam Phi trong thời gian tới (xem bảng 3).

⁹ Nguồn: *South Africa's Foreign Policy 1994-2004 Apartheid Past, Renaissance Future*, Johannesburg, 2004, trang 254.

¹⁰ Nguồn: *South Africa's International Trade Diplomacy: Implications for Regional Integration*, trang 69.

¹¹ NAFTA thành lập năm 1994, gồm ba nước thành viên là Mỹ, Mêhicô và Canada

¹² MERCOSUR thành lập năm 1991 gồm các nước Braxin, Aentina, Uruguay, Paraguay và năm 2006 kết nạp thêm Vêñêduela.

c. Nam Phi trong quan hệ với các nước châu Á

Trong quan hệ kinh tế với các nước châu Á, Nam Phi đã tham gia ký kết một số hiệp ước quan trọng, chẳng hạn như Đối tác chiến lược châu Á – châu Phi (NAASP) năm 2006; tham gia Hội nghị các tổ chức tiểu khu vực Á-Phi lần thứ nhất (AASROC I) năm 2003 và AASROC II năm 2004, tham gia Diễn đàn quốc tế Tokyo vì sự phát triển cho châu Phi (TICAD), Diễn đàn hợp tác Trung Quốc – châu Phi... Một vài nước châu Á đã đóng vai trò dẫn đầu trong hợp tác tới các nước phương Nam như tham gia Phong trào

không liên kết (NAM), G77 và Khối thị trường chung, trong đó Nam Phi cũng được chia sẻ kinh nghiệm và lợi ích trong các khối này. Nam Phi cũng đóng vai trò dẫn đầu trong Hiệp hội hợp tác khu vực vành đai Ấn Độ Dương (IOR – ARC); tham gia Diễn đàn đối thoại Ấn Độ - Braxin - Nam Phi (IBSA) năm 2004, duy trì tầm quan trọng chiến lược của ba nước này trong các diễn đàn hợp tác kinh tế toàn cầu, tạo động lực cho hợp tác kinh tế Nam – Nam. Năm 2006, Tổng thống Mbeiki đã tham dự Hội nghị thượng đỉnh chiến lược ba bên giữa Ấn Độ - Braxin và Nam Phi diễn ra tại Braxin.

Bảng 3: Thương mại Nam Phi – MERCOSUR và Chilê, giai đoạn 2001-2003 (triệu Rand)

Nước	2001		2002		2003	
	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu
Achentina	1.963,0	653,4	2.384,0	359,4	1.934,3	291,5
Braxin	3.378,0	2.274,3	4.918,6	1.809,5	4.523,0	1.156,5
Paraguay	10,8	27,5	30,6	42,8	14,9	11,8
Uruguay	115,88	889,0	108,5	57,8	63,8	41,9
Chilê	119,8	423,0	235,4	498,8	272,5	289,0

Nguồn: *www.thedti.gov.za*

Trong số những nước đang phát triển, Trung Quốc, Ấn Độ, Braxin là những đối tác quan trọng nhất của Nam Phi. Trung Quốc và Nam Phi đã ký NAASP và hiện nay Nam Phi là đối tác thương mại - đầu tư chủ yếu của Trung Quốc ở châu Phi, chiếm 20,8% tổng kim ngạch thương mại hai chiều Châu Phi – Trung Quốc. Đã có trên 80 công ty Trung Quốc vào Nam Phi kể từ năm 1998 và FDI của Trung Quốc vào Nam Phi đạt 199,3 triệu USD năm 2004 và FDI của Nam Phi vào Trung Quốc lên tới mức 700 triệu USD năm 2004, chủ yếu là từ các TNCs Nam Phi như SAB Miller, Anglo America và một số công ty khác. Trong giai đoạn 2000-2004, tăng

trưởng xuất khẩu của Trung Quốc sang Nam Phi đạt mức rất cao 58,2%/năm, ở mức 2,2 tỷ Rand trong cùng giai đoạn.

Ấn Độ hiện nay là đối tác thương mại lớn thứ 13 và là một trong 10 nhà đầu tư lớn nhất vào Nam Phi. Hai nước đã bắt đầu đàm phán ký kết FTA từ năm 2001, nhưng cho đến nay vòng đàm phán này vẫn chưa được ký kết bởi sự trì hoãn của một số nước thành viên khác trong SACU. SACU và Ấn Độ sẽ cùng nhau ký kết FTA theo hai giai đoạn: trước hết sẽ ký kết hiệp ước thương mại song phương (PTA) về một số hàng hoá chủ yếu, sau đó sẽ tiến tới ký FTA trong tất cả các lĩnh vực khác (ví dụ như dịch vụ). Trong giai đoạn 2000-2004,

tăng trưởng xuất khẩu của Ấn Độ sang Nam Phi đạt khoảng 45%/năm, trị giá khoảng 418 triệu Rand. Năm 2005, xuất khẩu của Nam Phi sang Ấn Độ đạt mức tăng trưởng 100% và nhập khẩu đạt mức tăng trưởng 55%. Năm 2005, FDI của Ấn Độ vào Nam Phi đạt khoảng 10 tỷ Rand.

Trong khu vực Đông Nam Á, mối quan hệ của Nam Phi với ASEAN đang ngày càng có nhiều triển vọng tốt đẹp. Những nước ASEAN có quan hệ kinh tế với Nam Phi bao gồm Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan và Việt Nam. Nam Phi hiện đang là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam tại châu Phi. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nam Phi liên tục tăng từ 15,5 triệu USD năm 2002 lên 22,66 triệu USD năm 2003, hơn 56,8 triệu Usd năm 2004, 112 triệu USD năm 2005 và trên 100 triệu USD năm 2006. Nhập khẩu từ Nam Phi đạt 108 triệu USD năm 2005 và 54 triệu USD năm 2006 và Việt Nam ở vị trí xuất siêu sang thị trường Nam Phi. Dự án FID đầu tiên của Nam Phi vào Việt Nam là vào năm 2006 thuộc dự án của tập đoàn Sab Miller với trị giá 22,5 triệu USD vào công ty Vinamilk nhằm triển khai nhà máy sản xuất bia.

KẾT LUẬN:

Nghiên cứu tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế của Nam Phi kể từ năm 1994 cho đến nay, có thể đi đến những kết luận cơ bản sau:

Thứ nhất, nhờ có những chiến lược, biện pháp hội nhập đúng đắn và hiệu quả, Nam Phi đã dần dần thoát khỏi sự biệt lập với thế giới bên ngoài như trong thời kỳ Apacthai, từng bước bình thường hoá quan hệ với các nước châu Phi và tái hội nhập khu vực châu Phi, cụ thể là khu vực miền Nam châu Phi. Những nấc thang hội

nhập của Nam Phi cho thấy miền Nam châu Phi, cụ thể là SADC và SACU là ưu tiên quan trọng đầu tiên của Nam Phi trong tiến trình hội nhập nhằm giành lại vị thế nước lớn trong khu vực Nam Phi nói riêng và khu vực châu Phi nói chung, để từ đó có tiếng nói quan trọng hơn trên các diễn đàn kinh tế chính trị thế giới.

Thứ hai, tiến trình hội nhập của Nam Phi cho thấy bước đi hội nhập của Nam Phi có những điểm tương đồng, đồng thời cũng có những điểm khác biệt so với các nền kinh tế mới nổi khác, đặc biệt là khu vực Đông Á, mà cụ thể là so với Việt Nam. Lộ trình hội nhập khu vực và toàn cầu của Nam Phi cho thấy lộ trình hội nhập của Nam Phi tương đồng với Việt Nam: ưu tiên hội nhập khu vực và hội nhập đa tuyến (song phương, đa phương). Tuy nhiên, điểm khác biệt là ở chỗ Nam Phi vào WTO từ rất sớm (ngay từ khi cải cách năm 1994) và hội nhập thế giới (cụ thể là Mỹ, MERCOSUR, EU, AFTA) có vai trò quan trọng hơn so với hội nhập khu vực. Hội nhập khu vực chỉ là nấc thang để Nam Phi tận dụng lợi thế trong khu vực để quan hệ với các đối tác bên ngoài. Chính vì thế, tầm quan trọng của các thị trường thế giới, cụ thể là EU, NAFTA, MERCOSUR, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ... là lớn hơn so với thị trường nội khối SADC, SACU (thực tế thị phần thương mại của các nước SADC, SACU trong tổng kim ngạch thương mại của Nam Phi là rất thấp).

Thứ ba, hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu của châu Phi đem lại nhiều bài học cho các quốc gia châu Phi còn lại. Bài học đầu tiên: mở cửa là xu hướng tất yếu. Chỉ có mở cửa, các nước châu Phi mới có thể tận dụng được những lợi thế của toàn cầu hoá và thế giới bên ngoài để phát huy lợi thế trong nước. Bài học thứ hai: phải coi trọng hội nhập khu vực, coi hội nhập

khu vực là cầu nối để tiếp cận đến các đối tác chiến lược của châu Phi. Bài học thứ ba: cần phải nỗ lực cải cách, đặc biệt là cải cách hệ thống thương mại theo xu hướng tự do hoá, cải thiện môi trường đầu tư trong nước, phát triển nguồn nhân lực, phát triển các chính sách vĩ mô lành mạnh. Cải cách thành công sẽ giúp các nước châu Phi hội nhập thành công. Bài

học cuối cùng: ổn định chính trị là công cụ hữu hiệu để thu hút sự chú ý của thế giới bên ngoài, giúp các nước châu Phi hội nhập thành công. Chế độ chính trị ở Nam Phi mang tính ổn định và dân chủ kể từ năm 1994 đến nay đã giúp Nam Phi hội nhập nhanh vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu, từ đó nâng cao vị thế và tiếng nói của mình trong khu vực và thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. John S. Wilson and Victor O. Abiola, *Standards and Global Trade: A Voice for Africa*, World Bank 2003
2. *Free Trade Agreements and the SADC Economies*, Africa Region Working Paper Series No.27, 2/2002
3. *Reform and Opportunity: The Changing Role and Patterns of Trade in South Africa and SADC*, Working Paper Series No. 14, 3/2001
4. *Maine/South Africa Trade Opportunities*, A Special Report for the Maine International Trade Center, 511 Congress Street, www.mitc.com/
5. Rudolt Gouws, *South Africa and the Challenge of Globalisation*, Conference on Globalisation and Economic Success: Policy Options for Africa, Cairo, 13-14/11/2006.
6. Peter Draper, Pilip Alves, *South Africa's International Trade Diplomacy: Implications for Regional Integration*, Friedrich Ebert Stiftung (TIPS), 2006.
7. Alan Hirsch, *Season of Hope: Economic Reform under Mandela and Mbeki*, University of KwaZulu – Natal Press, 2005.
8. Fairy Godmother, *South Africa's Foreign Policy: Principles and Problems*, Published in Monograph No13, 5/1997.
9. Jeffrey D.Lewis, *Free Trade Agreements and the SADC Economies*, Africa Region Working Paper Series No.27, 2/2002.
10. The Bank of New York ADR Workshop, *South Africa: Foreign Direct Investment*, 30/7/2005.
11. Elizabeth Sidiropoulos, *Apartheid past, renaissance Future: South Africa's Foreign Policy 1994-2004*, The South African Institute of International Affairs, Johannesburg, 2004.
12. www.dti.gov.za; www.moi.gov.za; www.worldbank.org